

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo hợp nhất tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/ GPĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 115/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 10 năm 2012 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

#### Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006 ngày 30 tháng 6 năm 2000 và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

#### Vốn điều lệ

Vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Một ngàn năm trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Bùi Tấn Tài  
Ông Lê Vũ Kỳ  
Ông Vijay Maheswari  
Ông Phạm Phú Khôi  
Ông Lê Bá Dũng  
Ông Trịnh Kim Quang  
Ông Đỗ Minh Toàn  
Ông Trần Hùng Huy

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/09/2012)  
Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 21/09/2012)  
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/11/2012)  
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/10/2012)  
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/11/2012)  
Thành viên (Từ nhiệm ngày 24/09/2012)  
Thành viên (Từ nhiệm ngày 14/11/2012)  
Thành viên (Từ nhiệm ngày 17/10/2012)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Phú Khôi  
Ông Nguyễn Ngọc Chung  
Bà Lê Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/01/2013)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Bùi Tấn Tài

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

#### Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con gọi chung là "Tập đoàn") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành; cung cấp các dịch vụ về đầu tư; các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư.

#### Trụ sở chính

107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 36. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. *ph*



Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 8 tháng 4 năm 2013



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 8 tháng 4 năm 2013. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall  
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV  
Chủ tịch

Trần Hồng Kiên  
Số chứng chỉ KTV: 0298/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM3669  
Ngày 11 tháng 4 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.716.443.674.679</b>	<b>1.993.183.077.149</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>579.088.793.536</b>	<b>682.999.855.925</b>
111	Tiền		578.588.793.536	632.999.855.925
112	Các khoản tương đương tiền		500.000.000	50.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5(a)</b>	<b>1.963.736.482.275</b>	<b>850.459.118.318</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		2.228.565.900.733	1.048.786.631.076
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(264.829.418.458)	(198.327.512.758)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.150.311.844.640</b>	<b>458.904.564.734</b>
132	Trả trước cho người bán		80.000.000	1.130.482.480
133	Phải thu nội bộ		8.209.000	95.790.095
135	Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	<b>6</b>	401.823.425.124	4.152.307.856
138	Các khoản phải thu khác	<b>7</b>	749.331.543.466	454.242.702.973
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(931.332.950)	(716.718.670)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>23.306.554.228</b>	<b>819.538.172</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		731.730.937	554.964.363
152	Thuế GTGT được khấu trừ		25.576.464	132.528.184
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		22.413.846.827	17.845.625
158	Tài sản ngắn hạn khác		135.400.000	114.200.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>570.647.763.560</b>	<b>2.483.624.796.277</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>56.695.614.484</b>	<b>61.983.946.957</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	<b>8(a)</b>	56.185.688.641	60.741.184.946
222	Nguyên giá		94.828.736.394	96.840.826.083
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.643.047.753)	(36.099.641.137)
227	Tài sản cố định vô hình	<b>8(b)</b>	509.925.843	1.236.862.011
228	Nguyên giá		2.481.127.984	2.481.127.984
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.971.202.141)	(1.244.265.973)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	5.900.000
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5(b)</b>	<b>492.430.176.279</b>	<b>2.398.430.611.146</b>
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		200.501.540.000	4.221.960.000
254	Đầu tư sẵn sàng để bán		200.501.540.000	4.221.960.000
258	Đầu tư dài hạn khác		341.981.805.860	2.443.574.339.809
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(50.053.169.581)	(49.365.688.663)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.521.972.797</b>	<b>23.210.238.174</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	<b>9</b>	1.779.866.398	3.029.807.550
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>10</b>	5.250.000.000	7.929.438.913
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	<b>11</b>	13.144.000.003	10.834.305.315
268	Tài sản dài hạn khác		1.348.106.396	1.416.686.396
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.287.091.438.239</b>	<b>4.476.807.873.426</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.608.011.727.121</b>	<b>2.828.861.796.388</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.608.011.727.121</b>	<b>2.128.502.407.819</b>
311	Vay ngắn hạn	15(a)	700.000.000.000	1.500.000.000.000
312	Phải trả người bán		61.776.795	190.551.871
313	Người mua trả tiền trước		22.000.000	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.724.807.092	1.686.514.056
315	Phải trả người lao động		8.823.196.000	4.906.296.988
316	Chi phí phải trả	13	277.780.748.360	237.199.809.961
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	563.624.296.907	250.920.517.705
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		49.407.121.215	126.599.779.715
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.786.989.083	6.998.937.523
328	Doanh thu chưa thực hiện		780.791.669	-
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>1.000.000.000.000</b>	<b>700.359.388.569</b>
334	Vay và nợ dài hạn	15(b)	1.000.000.000.000	700.000.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	359.388.569
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.679.079.711.118</b>	<b>1.647.946.077.038</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.679.079.711.118</b>	<b>1.647.946.077.038</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
417	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	16	67.509.974.614	61.804.643.173
418	Quỹ dự phòng tài chính	16	88.610.345.260	82.758.110.257
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.959.391.244	3.383.323.608
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.287.091.438.239</b>	<b>4.476.807.873.426</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	2.527.191.910.000	2.452.992.300.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	21.771.383.170.000	18.350.552.330.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	16.052.921.630.000	15.213.480.750.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	551.318.400.000	809.587.200.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	15.257.036.610.000	14.191.482.330.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	244.566.620.000	212.411.220.000

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**(tiếp theo)**
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**(tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã Số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	327.584.060.000	111.643.410.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		20.000.000.000	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	296.851.940.000	100.911.290.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	10.732.120.000	10.732.120.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	3.770.541.110.000	2.295.815.290.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.770.541.110.000	2.295.815.290.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	873.230.760.000	285.602.620.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	247.104.580.000	3.984.200.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	625.614.780.000	281.402.720.000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	511.400.000	215.700.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	4.262.160.000	444.010.260.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	90.000	84.717.900.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	4.262.070.000	358.942.770.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	349.590.000
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		742.843.450.000	-
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước		742.843.450.000	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>866.692.060.000</b>	<b>287.837.020.000</b>
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	808.349.810.000	269.879.300.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	2.120.000	1.012.090.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	807.253.700.000	268.714.410.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	1.093.990.000	152.800.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	530.000.000	17.266.720.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	530.000.000	17.266.720.000
7.3. Chứng khoán cầm cố		57.550.250.000	-
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		57.550.250.000	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	262.000.000	691.000.000
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	262.000.000	691.000.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	7.292.940.570.000	1.968.372.690.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	266.124.700.000	979.638.890.000



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>758.378.730.810</b>	<b>730.821.175.174</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	105.946.267.156	50.538.741.098
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 561.660.651.308	533.484.156.472
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	1.476.631.125	2.291.368.357
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.728.008.325	3.498.973.836
1.9	Doanh thu khác	18 86.567.172.896	141.007.935.411
<b>2</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(1.080.884.153)</b>	<b>(48.090.339)</b>
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>757.297.846.657</b>	<b>730.773.084.835</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>19 (592.612.224.489)</b>	<b>(495.952.739.156)</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>164.685.622.168</b>	<b>234.820.345.679</b>
<b>25</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>20 (42.088.723.746)</b>	<b>(42.487.897.647)</b>
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>122.596.898.422</b>	<b>192.332.448.032</b>
31	Thu nhập khác	5.162.197.309	751.629.219
32	Chi phí khác	(586.015.786)	(459.596.814)
<b>40</b>	<b>Thu nhập khác – số thuần</b>	<b>21 4.576.181.523</b>	<b>292.032.405</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>127.173.079.945</b>	<b>192.624.480.437</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>22 (10.832.264.589)</b>	<b>(1.144.786.322)</b>
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>22 (2.679.438.913)</b>	<b>2.679.438.913</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>113.661.376.443</b>	<b>194.159.133.028</b>



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Lợi nhuận trước thuế	127.173.079.945	192.624.480.437
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.753.172.779	8.876.668.221
03	Các khoản dự phòng	67.404.000.898	25.379.132.106
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định, từ hoạt động giao dịch ký quỹ, đầu tư, hợp đồng "reverse" repo	(359.074.179.624)	(219.518.044.639)
06	Chi phí lãi vay	233.739.111.117	316.247.638.885
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	76.995.185.115	323.609.875.010
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và chứng khoán kinh doanh	(1.217.721.077.080)	422.582.913.465
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	347.019.501.489	(285.190.363.041)
12	Giảm các chi phí trả trước	1.073.174.578	703.878.649
13	Tiền lãi vay đã trả	(192.654.166.667)	(107.723.611.111)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(33.132.846.811)	(1.296.762.430)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	99.457.200
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.241.114.688)	(2.500.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>(1.020.661.344.064)</b>	<b>350.285.387.742</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.948.322.192)	(2.239.727.237)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	816.554.269	220.809.179
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn	(9.077.746.225)	(20.100.000.000)
26	Tiền thu từ bán chứng khoán dài hạn	1.219.721.528.000	13.499.995.376
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	399.815.944.372	220.326.324.846
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>1.608.327.958.224</b>	<b>211.707.402.164</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu	1.000.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.500.000.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(191.577.676.549)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<b>(691.577.676.549)</b>	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>(103.911.062.389)</b>	<b>561.992.789.906</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 682.999.855.925	121.007.066.019
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 579.088.793.536	682.999.855.925

Trong năm có 1 nghiệp vụ phi tiền tệ trọng yếu là phân loại lại một số cổ phiếu từ đầu tư dài hạn khác sang chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán với tổng số tiền là 1.743.160.280.174 đồng.

  
 Hứa Chí Hùng  
 Kế toán trưởng



  
 Phạm Phú Khôi  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Mẫu số B 05 - CTCK

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>51.778.855.002</b>	<b>72.554.252.422</b>	<b>2.230.302.005</b>	<b>1.626.563.409.429</b>
- Trích lập quỹ trong năm	-	10.025.788.171	10.203.857.835	(20.229.646.006)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	194.159.133.028	194.159.133.028
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(172.776.465.419)	(172.776.465.419)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>61.804.643.173</b>	<b>82.758.110.257</b>	<b>3.383.323.608</b>	<b>1.647.946.077.038</b>
- Trích lập quỹ trong năm	-	5.705.331.441	5.852.235.003	(11.557.566.444)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	113.661.376.443	113.661.376.443
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(82.527.742.363)	(82.527.742.363)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>67.509.974.614</b>	<b>88.610.345.260</b>	<b>22.959.391.244</b>	<b>1.679.079.711.118</b>

*Phạm Chí Hùng*

Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 8 tháng 4 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép sửa đổi số 115/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006 ngày 30 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, một ngân hàng cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam ("Ngân hàng mẹ").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB ("ACBC") được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực Quản lý quỹ. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB là công ty con 100% vốn của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Công ty và công ty con gọi chung là Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 266 nhân viên (2011: 290 nhân viên).

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.5 Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là công ty mà Tập đoàn có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của công ty này được trao cho Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Tập đoàn không còn quyền kiểm soát công ty này.

Tập đoàn hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Các tài sản đã mua hoặc các khoản nợ phải trả được thừa nhận trong việc hợp nhất kinh doanh được xác định khởi đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, bất kể phần lợi ích của cổ đông thiểu số là bao nhiêu. Phần vượt trội giữa giá phí mua và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản mua được ghi nhận là Lợi thế thương mại. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại được ước tính đúng đắn dựa trên thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Thời gian sử dụng hữu ích của Lợi thế thương mại tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận. Nếu giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.7 Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư ngắn hạn***Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Các khoản đầu tư ngắn hạn ("chứng khoán kinh doanh") ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán ("giá gốc"). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn**

*Chứng khoán sẵn sàng để bán*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ bán chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

*Đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành. Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.8 Cam kết mua và bán**

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

**2.9 Giao dịch mua ký quỹ chứng khoán**

Giao dịch ký quỹ chứng khoán là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty. Chứng khoán được mua và các chứng khoán khác có trong tài khoản của khách hàng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay.

Số tiền cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán được ghi nhận như một khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán. Tiền lãi nhận được từ giao dịch ký quỹ chứng khoán được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**2.10 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	4%
Máy móc thiết bị	20% - 33%
Phương tiện vận tải	17%
Thiết bị quản lý	33%
Tài sản cố định khác	25% - 33%
Phần mềm vi tính	33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.11 Chi phí đi vay**

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.12 Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

*Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

*Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**2.13 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.14 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Tiền mặt	5.828.731	3.210.811
Tiền gửi ngân hàng	578.582.964.805	632.996.645.114
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Tập đoàn</i>	<i>530.678.339.590</i>	<i>515.003.400.714</i>
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán</i>	<i>47.904.625.215</i>	<i>117.993.244.400</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	50.000.000.000
	<u>579.088.793.536</u>	<u>682.999.855.925</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu dưới ba tháng.

**4 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRONG NĂM**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khối lượng và giá trị giao dịch như sau:

	<b>Khối lượng giao dịch</b> <b>trong năm</b>	<b>Giá trị giao dịch</b> <b>trong năm</b> <b>VNĐ</b>
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	62.131.016	1.071.528.983.200
Trái phiếu	4.000.000	373.560.000.000
	<u>66.131.016</u>	<u>1.445.088.983.200</u>
b) Của khách hàng		
Cổ phiếu	3.387.041.739	45.595.868.608.330
Trái phiếu	74.478.679	7.637.360.835.585
Chứng chỉ quỹ	9.300.530	63.160.067.000
	<u>3.470.820.948</u>	<u>53.296.389.510.915</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31.12.2012				Dự phòng VNĐ
	Giá trị sổ sách VNĐ	So với giá trị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>2.228.565.900.733</b>	<b>143.625.481.658</b>	<b>(264.829.418.458)</b>	<b>2.107.361.963.933</b>	<b>(264.829.418.458)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	1.179.774.593.474	30.104.602.394	(263.149.223.468)	946.729.972.400	(263.149.223.468)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	61.817.707.259	113.520.879.264	(1.680.194.990)	173.658.391.533	(1.680.194.990)
- Trái phiếu	4.973.600.000	-	-	4.973.600.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	982.000.000.000	-	-	982.000.000.000	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>542.483.345.860</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(126.242.710.666)</b>	<b>417.740.635.194</b>	<b>(50.053.169.581)</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	200.501.540.000	-	-	200.501.540.000	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	144.010.403.360	1.500.000.000	(92.681.998.160)	52.828.405.200	(16.492.457.075)
+ Chứng khoán vốn niêm yết	197.971.402.500	-	(33.560.712.506)	164.410.689.994	(33.560.712.506)
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết					
	<b>2.771.049.246.593</b>	<b>145.125.481.658</b>	<b>(391.072.129.124)</b>	<b>2.525.102.599.127</b>	<b>(314.882.588.039)</b>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31.12.2011			
	Giá trị số sách VNĐ	So với giá trị trường VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.048.786.631.076</b>	<b>332.002.272.581</b>	<b>(198.327.512.758)</b>	<b>(198.327.512.758)</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	664.096.180.565	1.178.383.426	(196.554.946.091)	(196.554.946.091)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	379.716.850.511	330.823.889.155	(1.772.566.667)	(1.772.566.667)
- Trái phiếu	4.973.600.000	-	4.973.600.000	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>2.447.796.299.809</b>	<b>-</b>	<b>(396.432.169.472)</b>	<b>(49.365.688.663)</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán				
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.221.960.000	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác				
+ Chứng khoán vốn niêm yết	1.663.575.509.809	-	(347.066.480.809)	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	779.998.830.000	-	(49.365.688.663)	(49.365.688.663)
	<b>3.496.582.930.885</b>	<b>332.002.272.581</b>	<b>(594.759.682.230)</b>	<b>(247.693.201.421)</b>

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết và trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do ba công ty chứng khoán độc lập cung cấp.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Biến động của các khoản đầu tư chứng khoán như sau:

	Số đầu năm VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số cuối năm VNĐ
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.048.786.631.076</b>	<b>3.834.200.779.287</b>	<b>(4.409.933.438.745)</b>	<b>773.511.929.115</b>	<b>1.246.565.900.733</b>
- Chứng khoán vốn niêm yết (***)	664.096.180.565	28.036.136.800	(285.869.653.006)	773.511.929.115	1.179.774.593.474
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	379.716.850.511	3.170.356.642.487	(3.488.255.785.739)	-	61.817.707.259
- Trái phiếu	4.973.600.000	635.808.000.000	(635.808.000.000)	-	4.973.600.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>2.447.796.299.809</b>	<b>9.077.746.225</b>	<b>(1.140.878.771.059)</b>	<b>(773.511.929.115)</b>	<b>542.483.345.860</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.221.960.000	-	(773.368.771.059)	969.648.351.059	200.501.540.000
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	1.663.575.509.809	2.993.633.725	-	(1.522.558.740.174)	144.010.403.360
- Đầu tư dài hạn khác	779.998.830.000	6.084.112.500	(367.510.000.000)	(220.601.540.000)	197.971.402.500
+ Chứng khoán vốn niêm yết (****)					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết					
	<b>3.496.582.930.885</b>	<b>3.843.278.525.512</b>	<b>(5.550.812.209.804)</b>	<b>-</b>	<b>1.789.049.246.593</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*\*\*) Bao gồm trong chứng khoán niêm yết của đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, có 615.426 triệu đồng (2011: 182.366 triệu đồng) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu Tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương Mại Dịch Vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”) và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội (“AIL”). Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của ba công ty được đề cập ở trên. Biến động giá trị của các khoản hợp tác đầu tư chủ yếu đến từ việc phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn trong năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã có thỏa thuận cho phép ACI và AIL sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI và AIL với giá trị sổ sách là 605.676 triệu đồng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của 2 công ty đó cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh số 26).

(\*\*\*\*) Bao gồm trong chứng khoán niêm yết của đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, có 22.354 triệu đồng (2011: 516.087 triệu đồng) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và Bình Chánh. Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên. Biến động giá trị của các khoản hợp tác đầu tư chủ yếu đến từ việc phân loại lại các khoản đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn trong năm 2012.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã có thỏa thuận cho phép ACI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI với giá trị sổ sách là 20.939 triệu đồng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh số 26).

Toàn bộ số trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL sẽ được đáo hạn vào tháng 7 năm 2013. Dự phòng không được trích lập cho các tổn thất tiềm tàng liên quan đến các cổ phiếu này do Công ty tin tưởng rằng ACI và AIL có đủ khả năng trả nợ và các cổ phiếu được dùng làm tài sản đảm bảo trên sẽ được hoàn trả đầy đủ (Thuyết minh số 26).

**6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	400.367.328.000	3.500.000.000
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.456.097.124	652.307.856
	<hr/>	<hr/>
	401.823.425.124	4.152.307.856
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	362.438.866.423	-
Phải thu từ hợp đồng “reverse repo” ngắn hạn	-	44.470.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng “reserve repo” ngắn hạn	-	6.977.343.000
Phải thu cổ tức	13.572.505.780	137.328.958.726
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi (*)	158.233.105.567	134.743.563.154
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán không hưởng lãi (**)	157.921.830.767	128.211.089.332
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	10.729.799.096	-
Các khoản phải thu khác (***)	46.435.435.833	2.511.748.761
	<u>749.331.543.466</u>	<u>454.242.702.973</u>

(\*) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty được hưởng lãi suất cố định cho số tiền đã ứng trước với lãi suất bình quân dao động từ 14,4%/năm đến 23,4%/năm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2011: từ 14,4%/năm đến 19%/năm). Đến ngày 11 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thu toàn bộ số dư phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán có hưởng lãi.

(\*\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện cho số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu chưa niêm yết mà Công ty đã mua thông qua một hợp đồng hợp tác đầu tư với một cá nhân (“đối tác đầu tư”) vào năm 2010. Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được đã được phong tỏa bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“Ngân hàng mẹ”) do một số thỏa thuận giữa đối tác đầu tư với Ngân hàng mẹ.

Khoản tiền này đã được thu hồi đầy đủ tại ngày 4 tháng 4 năm 2013.

(\*\*\*) Bao gồm trong các khoản phải thu khác có số tiền 42.638.300.000 đồng phải thu từ một khách hàng cá nhân từ nghiệp vụ hỗ trợ thanh toán mua cổ phiếu niêm yết. Số tiền phải thu này được đảm bảo bằng 50.319.802.900 đồng cổ phiếu niêm yết của khách hàng lưu ký tại Công ty.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	62.445.734.395	20.045.597.189	5.988.089.009	6.537.923.498	1.823.481.992	96.840.826.083
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	1.777.681.392	1.176.540.800	2.954.222.192
	-	(2.091.772.623)	(2.415.860.500)	(430.803.758)	(27.875.000)	(4.966.311.881)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	8.766.651.989	18.698.978.381	4.542.437.038	2.471.459.146	1.620.114.583	36.099.641.137
Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	2.498.680.404	1.178.722.638	736.498.174	2.325.905.083	286.430.312	7.026.236.611
	-	(2.091.772.623)	(2.197.753.084)	(180.555.486)	(12.748.802)	(4.482.829.995)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	53.679.082.406	1.346.618.808	1.445.651.971	4.066.464.352	203.367.409	60.741.184.946
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 20.039.364.167 đồng (2011: 17.061.576.194 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm vi tính  
VNĐ**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012

2.481.127.984

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

1.244.265.973

Khấu hao trong năm

726.936.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

1.971.202.141

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012

1.236.862.011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

509.925.843

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

**31.12.2012  
VNĐ**

**31.12.2011  
VNĐ**

Tại ngày 1 tháng 1

3.029.807.550

3.294.728.654

Tăng trong năm

209.135.280

1.404.311.930

Phân bổ trong năm

(1.459.076.432)

(1.669.233.034)

Tại ngày 31 tháng 12

1.779.866.398

3.029.807.550

**10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

**31.12.2012  
VNĐ**

**31.12.2011  
VNĐ**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi dưới 12 tháng

-

2.679.438.913

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trên 12 tháng

5.250.000.000

5.250.000.000

5.250.000.000

7.929.438.913

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	7.929.438.913	5.250.000.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.679.438.913)	2.679.438.913
Số dư cuối năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>7.929.438.913</u>

Biến động trong năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	<b>Các chênh lệch</b> <b>tạm thời</b> <b>được khấu trừ</b> <b>VNĐ</b>	<b>Lỗi tính thuế</b> <b>chưa sử dụng</b> <b>VNĐ</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	5.250.000.000	2.679.438.913	<b>7.929.438.913</b>
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	(2.679.438.913)	<b>(2.679.438.913)</b>
Số dư cuối năm	<u>5.250.000.000</u>	<u>-</u>	<u><b>5.250.000.000</b></u>

**11 TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm lưu ký chứng khoán, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa theo tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và mỗi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng.

	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>2011</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	10.834.305.315	8.334.305.315
Tiền nộp bổ sung	1.299.728.719	1.934.459.035
Tiền lãi phân bổ	1.009.965.969	565.540.965
Số dư cuối năm	<u>13.144.000.003</u>	<u>10.834.305.315</u>

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	274.125.806	178.706.826
Các loại thuế khác:		
- Thuế thu nhập cá nhân	770.655.927	1.044.764.934
- Các loại thuế khác	4.680.025.359	463.042.296
Số dư cuối năm	<u>5.724.807.092</u>	<u>1.686.514.056</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Dự chi lãi trái phiếu phải trả	275.877.305.562	234.792.361.112
Phí giao dịch trả Trung tâm lưu ký, Sở Giao dịch chứng khoán	1.859.442.798	1.538.701.790
Chi phí dịch vụ phải trả Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b))	-	793.010.589
Chi phí khác	44.000.000	75.736.470
	<u>277.780.748.360</u>	<u>237.199.809.961</u>

**14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	20.358.994	36.755.157
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b))	82.527.742.363	191.577.676.549
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b)) (*)	200.501.540.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	280.574.655.550	59.306.085.999
	<u>563.624.296.907</u>	<u>250.920.517.705</u>

(\*) Số tiền phải trả khác cho Ngân hàng mẹ thể hiện số tiền nhận được từ Ngân hàng mẹ cho một giao dịch chứng khoán nhưng đã được hủy trong năm 2012.

(\*\*) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của các bên thứ ba cho các giao dịch chứng khoán với Tập đoàn.

**15 CÁC KHOẢN VAY****(a) Vay ngắn hạn**

	<b>31.12.2012</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2011</b> <b>VNĐ</b>
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (*)	700.000.000.000	1.500.000.000.000

(\*) Năm 2010, Tập đoàn phát hành 32.000.000 (ba mươi hai triệu) trái phiếu cho các tổ chức tín dụng với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất dao động từ 11,4%/năm đến 15,6%/năm. 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) trái phiếu đã được trả và số trái phiếu còn lại sẽ đáo hạn vào năm 2013 (Thuyết minh 27).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**15 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)****(b) Vay dài hạn**

	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Trái phiếu phát hành	1.000.000.000.000	2.200.000.000.000
Trừ: Trái phiếu phát hành đến hạn trả		- (1.500.000.000.000)
Vay dài hạn (**)	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>

(\*\*) Năm 2012, Tập đoàn phát hành 10.000.000 (mười triệu) trái phiếu cho một tổ chức tín dụng với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất là 14%/năm. Toàn bộ trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2015 (Thuyết minh 27).

**16 CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính.

**17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	363.444.083.251	294.480.834.357
Thu nhập cổ tức	73.110.337.340	198.986.197.162
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	125.106.230.717	40.017.124.953
	<u>561.660.651.308</u>	<u>533.484.156.472</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	25.424.097.516	13.545.824.450
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.160.126.665	5.853.484.175
Lãi thường từ ngân hàng mẹ	-	97.113.606.531
Lãi từ hợp đồng "reverse repo"	3.041.748.000	20.693.609.111
Hoa hồng ứng tiền ngày T	6.396.685	5.404.397
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	48.055.810.062	-
Doanh thu nội bộ (Thuyết minh 23(a))	751.260.000	1.478.294.660
Doanh thu khác	4.127.733.968	2.317.712.087
	<u>86.567.172.896</u>	<u>141.007.935.411</u>

**19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	14.616.383.271	7.638.623.792
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	172.398.121.968	41.660.590.813
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	12.606.677.190	9.377.699.365
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	67.189.386.618	24.902.093.436
Chi phí lãi trái phiếu	233.739.111.117	316.247.638.885
Chi phí nhân viên	40.276.684.754	38.792.776.274
Khấu hao tài sản cố định	3.924.629.279	4.620.924.490
Chi phí khác hoạt động môi giới trái phiếu (Thuyết minh số 14)	23.085.620.000	15.955.649.333
Phí hoa hồng	5.326.242.987	700.560.249
Chi phí thuê	5.921.277.437	7.681.474.743
Chi phí khác	13.528.089.868	28.374.707.776
	<u>592.612.224.489</u>	<u>495.952.739.156</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Khấu hao tài sản cố định	3.828.543.500	4.255.743.732
Chi phí nhân viên	22.530.370.427	17.834.269.746
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	678.341.958	651.457.718
Thuế, phí, lệ phí	58.334.306	71.137.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.244.102.079	14.552.134.215
Thuế GTGT không được khấu trừ	1.018.137.230	-
Chi phí thuê văn phòng	823.780.350	-
Dự phòng các khoản nợ khó đòi	214.614.280	477.038.670
Chi phí bằng tiền khác	8.692.499.616	4.646.115.587
	<u>42.088.723.746</u>	<u>42.487.897.647</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**21 THU NHẬP KHÁC - SỐ THUẦN**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền thu được do thanh lý tài sản cố định	816.554.269	220.809.179
Thu nhập khác	4.345.643.040	530.820.040
	<u>5.162.197.309</u>	<u>751.629.219</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định bị thanh lý	483.481.886	382.570.813
Chi phí khác	102.533.900	77.026.001
	<u>586.015.786</u>	<u>459.596.814</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>4.576.181.523</u>	<u>292.032.405</u>

**22 THUẾ**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.832.264.589	1.144.786.322
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 10)	2.679.438.913	(2.679.438.913)
	<u>13.511.703.502</u>	<u>(1.534.652.591)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**22 THUẾ (tiếp theo)**

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.173.079.945	192.624.480.437
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	32.639.100.889	48.156.120.109
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(19.153.030.862)	(49.746.549.290)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	25.633.475	19.256.500
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.679.438.913)	-
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	36.520.090
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10.832.264.589	(1.534.652.591)

(\*) Thu nhập chịu thuế của Công ty và Công ty con sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2009, năm 2010, năm 2011 và năm 2012 của Công ty.

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ") do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

**i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2012</b>	<b>31.12.2011</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Ngân hàng mẹ</b>		
Doanh thu hoạt động môi giới	1.111.064.272	406.749.490
Doanh thu từ nghiệp vụ ứng tiền ngày T	6.396.685	5.404.397
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.485.230.500	112.484.940.034
Thu nhập khác (Thuyết minh 18) (*)	751.260.000	1.478.294.660
	<u>25.353.951.457</u>	<u>114.375.388.581</u>

(\*) Thu nhập khác phát sinh từ tiền thuê mặt bằng thu được từ Ngân hàng mẹ do sử dụng chung mặt bằng với Công ty tại phòng giao dịch Trương Định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

*ii) Mua hàng hóa và dịch vụ*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phí dịch vụ trả cho Ngân hàng mẹ	(793.010.589)	4.943.277
Phí ủy thác đầu tư trả cho Ngân hàng mẹ	-	585.983.220
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	124.028.377	246.132.531
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	5.750.921.045	5.561.053.937
	<u>5.081.938.833</u>	<u>6.398.112.965</u>

*iii) Bán tài sản cố định*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Doanh thu từ bán tài sản cố định cho Ngân hàng mẹ	<u>207.254.270</u>	<u>115.536.450</u>

*iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>5.979.576.622</u>	<u>3.687.427.936</u>

*v) Hoạt động tài chính*

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	191.577.676.549	172.776.465.419
Mua chứng khoán nợ từ Ngân hàng mẹ	-	1.297.000.000.000
Bán chứng khoán vốn cho Ngân hàng mẹ	371.731.960.000	10.000.000.000
	<u>191.577.676.549</u>	<u>172.776.465.419</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

*Các yếu tố rủi ro tài chính*

Các hoạt động của Tập đoàn khiến cho Tập đoàn phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Tập đoàn tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường đối với Tập đoàn bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Tập đoàn có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Tập đoàn được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Tập đoàn ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Tập đoàn chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn cụ thể bởi các cơ quan quản lý.

**(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về tiền tệ của Tập đoàn là không trọng yếu.

**(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Tập đoàn phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Tập đoàn. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Giao dịch và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có khoản dự phòng cho các khoản phải thu bị quá hạn hay có nguy cơ bị tổn thất như sau:

	<b>2012 VNĐ</b>	<b>2011 VNĐ</b>
Tổng số phải thu	1.151.243.177.590	459.621.283.404
Trừ: Dự phòng nợ khó đòi	(931.332.950)	(716.718.670)
	<u>1.150.311.844.640</u>	<u>458.904.564.734</u>
Biến động của số dư dự phòng như sau:		
Số đầu năm	716.718.670	239.680.000
Lập dự phòng nợ khó đòi trong năm	214.614.280	477.038.670
Số cuối năm	<u>931.332.950</u>	<u>716.718.670</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Vay ngắn hạn	700.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	1.000.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	49.407.121.215	-	-
Nợ tài chính khác	852.099.007.145	-	-
	<u>1.601.506.128.360</u>	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Vay ngắn hạn	1.500.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	700.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	126.599.779.715	-	-
Nợ tài chính khác	500.216.114.048	-	-
	<u>2.126.815.893.763</u>	<u>700.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(d) Giá trị hợp lý**

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Tập đoàn được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hay công nợ tài chính của Tập đoàn.

Hiện tại, Tập đoàn chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Tập đoàn sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**26 NGHĨA VỤ ĐẢM BẢO THANH TOÁN**

Trong năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu Tư Á Châu (“ACI”) và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội (“AIL”) cho một tổ chức tín dụng trong nước (“đơn vị mua trái phiếu”). Số trái phiếu trên có mệnh giá 1.193 tỷ đồng và sẽ được đáo hạn vào tháng 7 năm 2013 với lãi dự tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 320 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã cho phép ACI và AIL sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư giữa Công ty với hai công ty này làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu đề cập ở trên (Thuyết minh số 5).

Giá trị tài sản đảm bảo còn bao gồm một số cổ phiếu niêm yết của ACI và AIL với giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 331 tỷ đồng.

Toàn bộ thủ tục cầm cố và phong tỏa cổ phiếu dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL được thực hiện vào tháng 1 năm 2013. Theo đó, nghĩa vụ đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và AIL đã được chấm dứt vào ngày 15 tháng 1 năm 2013. Phần giá trị còn lại của nghĩa vụ đảm bảo thanh toán do Ngân hàng mẹ đảm nhận theo một số thỏa thuận giữa Ngân hàng mẹ và đơn vị mua trái phiếu.

**27 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

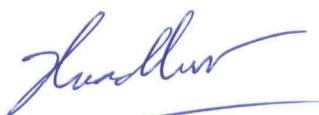
Đến ngày 8 tháng 2 năm 2013, Công ty đã mua lại toàn bộ 10.000.000 (mười triệu) trái phiếu mà Công ty đã phát hành cho một tổ chức tín dụng trong năm 2012 (Thuyết minh số 15(b)).

Đến ngày 28 tháng 2 năm 2013, Công ty đã mua lại 3.000.000 (ba triệu) trái phiếu mà Công ty đã phát hành cho một tổ chức tín dụng trong năm 2010 (Thuyết minh số 15(a)).

**28 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 8 tháng 4 năm 2013.



Hứa Chí Hùng  
Kế toán trưởng



Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc